

Số: 27/QĐ- THCS PCK

Diễn Yên, ngày 01 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách Năm 2019

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Phùng Chí Kiên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán NSNN và các nguồn thu khác năm 2019 của Trường THCS Phùng Chí Kiên.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Thời gian từ ngày 01 tháng 03 năm 2020 đến ngày 30 tháng 03 năm 2020

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:;

- Lưu :VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Văn Công

Diễn Yên, ngày 30 tháng 03 năm 2020

BIÊN BẢN

Kết thúc niêm yết công khai quyết toán ngân sách và nguồn thu khác năm 2019

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017-BTC ngày 15/ 6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 30/03 /2020, tại Trường THCS Phú Lợi đã tiến hành lập biên bản kết thúc công khai quyết toán ngân sách và nguồn thu khác năm 2019.

I. Thành phần lập biên bản kết thúc công khai:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Công | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2. Bà: Phạm thị Ninh | Chức vụ: Kế toán |
| 3. Ông: Trần long Chung | Chức vụ: Phó hiệu trưởng |
| 4. Ông: Phan Hồng sơn | Chức vụ: Chủ tịch công đoàn |
| 5. Bà: Phan thị Anh | Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân |

II. Kết quả công khai cụ thể như sau:

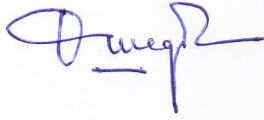
1. Nội dung công khai: Công khai ngân sách năm 2019
2. Kết quả tiếp nhận ý kiến về nội dung công khai:
 - Tháo niêm yết công khai nguồn ngân sách năm 2019
 - Vị trí niêm yết: Được niêm yết tại bảng tin công khai của cơ quan
 - Thời gian công khai: Thời gian bắt đầu niêm yết đến khi kết thúc là 30 ngày, từ ngày 01 tháng 03 năm 2020 đến ngày 30 tháng 03 năm 2020

Thu nhận thông tin phản hồi: Từ khi bắt đầu niêm yết đến khi kết thúc không nhận được thông tin phản hồi nào.

Niên yết công khai ngân sách và nguồn thu khác năm 2019 kết thúc vào hồi 16 giờ ngày 30 tháng 03 năm 2020. Đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./

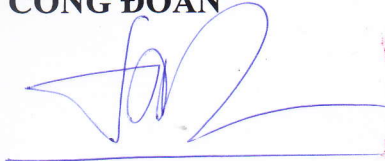
Biên bản được lập thành 2 bản, lưu tại trường 1 bản, Ban đại thanh tra nhân dân 1 bản ./.

P.HIỆU TRƯỞNG



Trần Long Chung

CÔNG ĐOÀN



Phan Hồng Sơn

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Công

THANH TRA



Phan Thị Anh

KẾ TOÁN



Phạm Thị Ninh

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2019
(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán						
		Tổng số	NSNN giao	Học phí	Học thêm	Xã hội hóa	Phí tuyển sinh vào L10	Gửi xe
A	Quyết toán thu							
I	Phần thu	7 819 523 000	6 536 549 000	380 166 000	708 692 000	139 900 000		54 216 000
II	Số thu nộp NS							
III	Số được để lại chi theo chế độ	7 819 523 000	6 536 549 000	380 166 000	708 692 000	139 900 000		54 216 000
B	Các khoản chi							
Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán						
		Tổng số	NSNN giao	Học phí	Học thêm	Xã hội hóa	Phí tuyển sinh vào L10	Gửi xe
600 0	Tiền lương	3 054 738 002	2 906 138 002	148 600 000				
600 1	Lương theo ngạch, bậc	3 054 738 002	2 906 138 002	148 600 000				
605 0	Trả công cho vị trí LĐTX	1 583 000		1 583 000	251 300 000			
605 1	Tiền công thường xuyên	83 000		83 000	251 300 000			
609 9	Tiền công khác	1 500 000		1 500 000				
610 0	Phụ cấp lương	1 502 816 212	1 502 816 212					
610 1	Phụ cấp chức vụ	26 756 748	26 756 748					
610 5	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ							
610 7	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6 912 000	6 912 000					
611 3	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6 912 000	6 912 000					
611 5	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	549 253 016	549 253 016					
611 6	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	898 665 448	898 665 448					
614 9	Phụ cấp khác	14 317 000	14 317 000					
615 0	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi	29 220 000	27 720 000	1 500 000				
615 7	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	27 720 000	27 720 000					
619 9	Các khoản hỗ trợ khác			1 500 000				
630 0	Các khoản đóng góp	851 362 796	851 362 796					
630 1	Bảo hiểm xã hội	635 092 182	635 092 182					
630 2	Bảo hiểm y tế	108 922 477	108 922 477					

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán						
		Tổng số	NSNN giao	Học phí	Học thêm	Xã hội hóa	Phí tuyển sinh vào L10	Gửi xe
630 3	Kinh phí công đoàn	72 614 910	72 614 910					
630 4	Bảo hiểm thất nghiệp	34 733 227	34 733 227					
650 0	Thanh toán dịch vụ công cộng	29 634 133	20 435 933	4 406 000	4 792 200			
650 1	Tiền điện	20 559 533	15 767 333		4 792 200			
650 2	Tiền nước	8 406 600	4 668 600	3 738 000				
659 9	Chi khác			668 000				
655 0	Vật tư văn phòng	9 295 000	5 740 000	3 555 000				
655 1	Văn phòng phẩm	3 280 000	1 710 000	1 570 000				
655 2	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	4 290 000	4 030 000	260 000				
655 3	Khoản văn phòng phẩm							
659 9	Vật tư văn phòng khác	1 725 000		1 725 000				
660 0	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	8 636 000	7 480 000	286 000	870 000			
660 6	Tuyên truyền quảng cáo		4 162 000					
660 8	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	4 474 000	3 318 000	286 000	870 000			
665 0	Hội nghị							
669 9	Chi phí khác							
670 0	Công tác phí	30 870 000	30 870 000					
670 1	Tiền vé máy bay, tàu, xe	720 000	720 000					
670 2	Phụ cấp công tác phí	5 400 000	5 400 000					
670 3	Tiền thuê phòng ngủ	4 050 000	4 050 000					
670 4	Khoản công tác phí	20 700 000	20 700 000					
675 0	Chi phí thuê mướn	59 700 000	52 200 000					7 500 000
675 7	Thuê lao động trong nước	59 700 000	52 200 000					7 500 000
679 9	Chi phí thuê mướn khác							
690 0	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	233 691 000	97 399 000	18 402 000	9 112 000	108 778 000		
690 5	Tài sản thiết bị chuyên dùng					5 200 000		
690 7	Nhà cửa	102 770 000	48 594 000	18 402 000	4 862 000	30 912 000		

TAO H. L.
HƯỚNG
HỌC CC
GCHI KI

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán						
		Tổng số	NSNN giao	Học phí	Học thêm	Xã hội hóa	Phí tuyển sinh vào L10	Gửi xe
691 2	Các thiết bị công nghệ thông tin	39 505 000	35 255 000		4 250 000			
691 3	Tài sản và thiết bị văn phòng		13 550 000					
692 1	Đường điện cấp thoát nước					23 785 000		
694 9	Tài sản công trình CSHT khác					48 881 000		
695 0	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	71 575 000	53 200 000	18 375 000				
695 5	Tài sản và thiết bị văn phòng	40 220 000	38 500 000	1 720 000				
695 6	Các thiết bị công nghệ thông tin	19 100 000	14 700 000	4 400 000				
699 9	Tài sản thiết bị khác			12 255 000				
700 0	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	190 838 499	118 071 500	54 181 499	10 898 500	4 032 000		3 655 000
700 1	Chi mua hàng hóa, vật tư	158 107 499	116 671 500	30 750 499	2 998 500	4 032 000		3 655 000
700 4	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	1 400 000	1 400 000					
701 2	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	13 446 000		13 446 000				
704 9	Chi khác	17 885 000		9 985 000	7 900 000			
775 0	Chi khác	529 408 000	55 364 000	115 628 000	357 896 000			520 000
776 1	Chi tiếp khách	22 330 000	20 330 000	2 000 000				
776 6	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	27 804 000	27 804 000					
779 9	Chi các khoản khác	479 274 000	7 230 000	113 628 000	357 896 000			520 000
800 0	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	805 070 000	805 070 000					
800 6	Chi tinh giản biên chế	805 070 000	805 070 000					
	Tổng cộng	7 406 854 642	6 533 867 443	366 516 499	634 868 700	112 810 000		11 675 000

KẾ TOÁN



Phạm Thị Ninh

Diễn Yên, ngày 4 tháng 3 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Công

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Phùng Chí Kiên
 Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2019

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ-THCS PCK ngày 01/03/2020 của Trường THCS PCK)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính:

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu			
I	Số thu học phí công lập	380 166 000	380 166 000	
2	Chi từ nguồn thu học phí công lập	148 600 000	148 600 000	
2	Phí			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6 536 549 000	6 535 549 000	
I	Nguồn ngân sách trong nước	6 536 549 000	6 535 549 000	
1	Chi quản lý hành chính			
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7 386 279 000	7 386 279 000	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6 536 549 000	6 536 549 000	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	849 730 000	849 730 000	

Diễn yên, ngày 02 tháng 01 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Công

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Phùng chí Kiên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2019

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ-THCSPCK ngày 01/03/2020 của Trường THCS PCK)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

STT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu học phí công lập	380 166 000
1	Số thu học phí công lập	380 166 000
II	Chi từ nguồn học phí công lập	380 166 000
1	Chi sự nghiệp	380 166 000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	380 166 000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7 386 279 000
I		5 793 837 000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7 386 279 000
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6 536 549 000
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	849 730 000

Diễn Yên, ngày 02 tháng 03 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Công

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Phùng Chí Kiên

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH**Năm 2019**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu học phí công lập	380 166 000	380 166 000	100%	
1	Số thu học phí công lập	380 166 000	380 166 000	100%	
II	Chi từ nguồn học phí công lập	380 166 000	148 600 000	40,00%	
1	Chi sự nghiệp	380 166 000	148 600 000	40,00%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	380 166 000	148 600 000	40,00%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7 386 279 000	7 386 279 000	100%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7 386 279 000	7 386 279 000	100%	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7 386 279 000	7 386 279 000	100%	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6 536 549 000	6 536 549 000	100%	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	849 730 000	849 730 000	100%	

Diễn Yên, ngày 02 tháng 07 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Công